

PHẨM 12: THẤY PHẬT A SÚC

A-súc, Hán dịch là Vô Động, cũng gọi là Vô Nộ, trước là theo pháp đặt tên, sau là theo người đặt tên. Vả lại trên đặt tên theo nhân, nay là đặt tên theo quả. Trước người pháp cũng nêu Bồ-tát là nhân, hạnh là pháp. Nay cảnh và trí đầy đủ nơi đề phẩm, kiến (thấy) là trí năng quán, A-súc là cảnh sở quán.

Hỏi: Vì sao phải có phẩm này?

Đáp: Gồm bốn nghĩa:

1. Phẩm trước vì cõi kia mà thuyết giáo pháp này, nay vì duyên ở cõi này mà quán Đức Phật cõi kia. Bởi vì sự lãnh ngộ khác nhau, cho nên pháp môn giáo hóa cũng khác.

2. Phẩm trên là Bồ-tát hạnh tức luận về tu hành, nay nói về hạnh đã thành nên thấy được Phật.

Hỏi: Nhị thừa cũng thấy Đức Phật kia, chẳng lẽ cũng tu hạnh Phật ư?

Đáp: Mới thấy Phật Nhị thừa, chưa phải là chân Phật, cho nên năm trăm Thanh văn, trên hội tòa Hoa Nghiêm chỉ thấy thân một trạng sáu, đồng với thân Nhị thừa cùng tu thiện căn riêng khác mà chẳng thấy chân thân của Đại thừa.

3. Trên nói môn nhân, nay nói về quả pháp.

4. Từ đầu kinh đến đây, lược nói bất tư nghị, từ văn này trở đi thì nói rộng về bản tích khó lường. “Quán thân thật tướng, quán Phật cũng như thế”, đây là bản bất tư nghị. Kế đến giải thích việc đời cõi Diệu hỷ nhập vào cõi này, đó là tích bất tư nghị.

Hỏi: Trên đã nói bất tư nghị thì có gì khác với phẩm này chăng?

Đáp: Phán định tổng quát từ đầu đến cuối thì gồm trong bốn câu:

1. Lớn nhập vào như bất tư nghị, như mượn tòa của Phật Đăng Vương.

2. Nhỏ dung chứa lớn bất tư nghị, như việc xin cơm cõi Chúng hương.

3. Lớn nhập vào lớn bất tư nghị, chuyển vận cõi Diệu hỷ kia nhập vào cõi này, hai cõi cùng một nơi mà không thêm bớt, đó là bất tư nghị.

4. Nhỏ nhập vào nhỏ bất tư nghị, việc này dễ hiểu chẳng cần phải nói.

- Toàn phẩm được chia làm ba:

1. Nói về bản của pháp thân.

2. Luận về tích của Vô Động.

3. Khen pháp tán dương người.

- Phần đầu thì trước hỏi sau đáp.

Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn hỏi ông Duy-ma-cật rằng: “Ông muốn thấy Như Lai lấy gì quán Như Lai chăng?”: Đức Phật hỏi Tịnh Danh là gồm ba ý:

1. Từ đầu kinh đến đây thì nói thân Phật sáng chói, âm thanh lời nói vi diệu, chúng đương thời chỉ chấp thủ tướng nhân chẳng thấy pháp thân, cho nên hỏi ngài Tịnh Danh để khiến cho họ thấy chân Phật.

2. Trên ngài Tịnh Danh nói có thể thấy chư Phật thì đại chúng cho rằng Phật có thể thấy và có người thấy, nếu thế thì thành Phật thấy, mà chẳng phải là thấy Phật. Cho nên nay nói pháp thân thì dứt bật hai cách quán kia.

Hỏi: Bồ-tát nước Chúng hương đến ra mắt Phật cũng có khởi các chấp trước, vì sao không phá trừ?

Đáp: Họ khởi ý tưởng cho là thấp kém chứ đâu có nhiễm trước, cho nên đợi lúc họ sắp trở về mới nói.

3. Sắp muốn nói về sự không có tôn ti, đối với Phật Vô Động và Đức Thích Tôn, sợ mọi người sinh hai tâm tôn ti, cho nên dự nói pháp thân nhất quán, vì thế mới hỏi Duy-ma-cật.

Ngài Duy-ma-cật nói rằng: “Như con quán thân thật tướng, quán Phật cũng như thế.” Đây là lời đáp.

Hỏi: Bốn hội ba xứ của kinh này đều luận về pháp thân, nhưng trong đó có gì khác chăng?

Đáp: Phẩm Phương Tiện đối với sinh tử khổ lụy mà tán thán công đức pháp thân. Phẩm Đệ Tử chia bản tích khác nhau, pháp thân thì vô lậu vô vi mà ứng tích thì có sinh có diệt. Phẩm này thì chỉ nói thể của pháp thân thì tuyệt một trăm lỗi, hình thì đầy đủ vạn đức.

Hỏi: Vì sao lại luận ba môn này?

Đáp: Cần phải đủ ba môn thì thân Phật mới hiển bày. Trước cần phải nói về công đức pháp thân để đối với sinh tử khổ lụy, khiến cho người chán lìa sinh tử này mà ham thích cần cầu pháp thân. Người nghi nay thấy thân Phật còn là hữu vi chưa trừ các lậu thì đâu đủ để khiến họ sinh ham thích. Cho nên chương thứ hai lập bản tích. Hữu vi hữu lậu là ứng tích, vô lậu vô vi mới là pháp thân. Người mê nghe nói pháp thân không còn các khổ lụy, các đức đã tròn đầy liền cho rằng khác với chúng sinh, vì thế chương này nói quán thân thật tướng quán Phật cũng như thế, chúng sinh và Phật Bất nhị. Đầy đủ ba môn này thì nghĩa mới

đầy đủ, chẳng phải là gần chỉ thông với các bộ, xa suốt thấu các kinh. Và lại đầu tiên phá chấp của phàm phu, kể đến bài xích Tiểu thừa và sau cùng là chỉ dạy Bồ-tát. Đầu tiên đối với phàm phu, nghĩa là phẩm Phương Tiện phàm phu thăm bệnh, vì họ mà nói sinh tử khổ hoạn, công đức pháp thân, kể đến phẩm Đệ Tử, chính thức bài xích Thanh văn Nhị thừa, cho rằng thân Phật và Nhị thừa đồng nhau, cho nên lập bản tích khác nhau. Thân Bồ-tát và thân Phật là thường trụ, còn chúng sinh thì có khởi diệt, cho nên nay nói quán thân thật tướng quán Phật cũng như thế, là bất hai kiến. Ngài La-thập nói: “Quán Phật có ba:

1. Quán hình sắc.
2. Quán pháp thân.
3. Quán tánh không.

Trong ba quán môn này ngài Tịnh Danh dùng môn tánh không quán để trả lời. Cho nên nói quán thật tướng của thân quán Phật cũng như thế.” Ở đây cho rằng chương này chính là nói về pháp thân bất bốn câu là trăm lỗi, là nghĩa tánh không.

Hỏi: Vì sao nói thật tướng tức thân Phật?

Đáp: Thân Phật tuyệt bốn câu, thật tướng chúng sinh cũng tuyệt bốn câu, vì thế thật tướng tức là pháp thân, cho nên kinh Đại phẩm ghi: “Như không có đến đi, như tức Phật.”

Hỏi: Như và thật tướng là cảnh chân đế không ngơ hay là trí linh tri của Phật?

Đáp: Lập câu hỏi này chính là từ tự tâm của bậc nhân sư mà không phải là lời của kinh luận. Kinh Hoa Nghiêm ghi: “Tâm, Phật và chúng sinh không sai biệt nhau.” Luận Chánh Quán ghi: “Cũng gọi là như, pháp tánh, Niết-bàn.” Vậy có thể nói là Niết-bàn cũng vô tri sao? Cho nên pháp thân vô tri mà vô sở bất tri (không hay biết mà không gì chẳng biết). Nghĩa như cũng thế.

Hỏi: Quán thật tướng của thân, quán Phật cũng như thế, vì sao lại nói là thấy Phật?

Đáp: Nghĩa là Phật và thân khác nhau, thì thành hai sự thấy, chẳng thấy được Phật. Được pháp quán Bất nhị mới gọi là thấy Phật.

Con quán Như Lai mé trước chẳng đến, mé sau chẳng đi, nay thì chẳng trụ: Dưới là giải thích rộng về thể pháp thân bất một trăm lỗi, hình đủ vạn đức. Đây là câu đầu nói chẳng phải ba thời tức muốn nói pháp thân chẳng phải hữu vi. Phàm là hữu vi, ắt phải rơi vào ba thời, nay thì chẳng thuộc ba thời, cho nên chẳng phải hữu vi.

Chẳng quán sắc, chẳng quán sắc như, chẳng quán sắc tánh, chẳng

quán thọ tướng hành thức, chẳng quán thức như, chẳng quán thức tánh: Đây là giải thích năm ấm cũng là hữu vi. Kế đến căn cứ theo năm ấm nói chẳng phải pháp thân, đối với mỗi một ấm đều đầy đủ ba quán môn:

1. Chẳng quán sắc, thì chẳng phải hữu quán.
2. Chẳng quán sắc như thì chẳng phải không quán.
3. Chẳng quán sắc tánh thì chẳng phải phi hữu phi vô, vì pháp thân siêu việt bốn câu, nên cũng chẳng quán phi hữu phi vô.

Chẳng phải do bốn đại sinh khởi, đồng như hư không: Năm ấm là quả, bốn đại là nhân; quả đã chẳng phải Phật thì nhân cũng như thế. Vì chẳng phải nhân chẳng phải quả, nên đồng như hư không.

Chẳng phải do sáu đại tích tụ: Pháp thân đã chẳng phải nhân quả, cũng vượt cả trong ngoài. Vì chẳng phải trong ngoài cho nên chẳng thể tích tụ sáu nhập mà thành Phật.

Mắt, tai, mũi, lưỡi thân tâm đã vượt qua: Trước nói về chẳng phải ngoại nhập, ở đây thì luận về vượt qua nội tánh.

Chẳng ở nơi ba cõi vì đã lìa ba cấu: Trên là nói về lỗi của sáu nhập, đâu thể cho rằng chẳng ở tại nơi có sáu nhập? Hoặc cho rằng nên ở tại nơi không có sáu nhập. Cho nên lại nói: “Chẳng tại ba cõi vì đã lìa ba cấu.” Trên là nói không có quả ba cõi, đây là luận không có nhân ba cõi, vì không có ba cấu cho nên chẳng ở nơi ba cõi. Sáu môn nêu trên là nói về Như Lai xa lìa các tướng hoặc.

Thuận ba môn giải thoát: Câu này là luận về pháp thân đầy đủ các đức. Vì thuận ba môn giải thoát cho nên lìa ba cấu.

Ba minh và vô minh như nhau: Ba minh có hai là: Thiên nhãn minh, Túc mệnh minh và Lộ tận minh. Hai, căn cứ theo kinh Niết-bàn thì ba minh là: Bồ-tát minh tức Bát-nhã, chư Phật minh tức Phật nhãn, vô minh minh tức rốt ráo không. Rốt ráo không nghĩa là thể của nó chẳng phải tuệ tánh cho nên chẳng minh, hay sinh thật tuệ cho nên nói minh. Như năm trần sinh năm dục cũng gọi là dục. Vì thuận ba môn giải thoát, cho nên minh và vô minh bằng nhau. Hoặc có thể cho rằng ba môn giải thoát là minh, cho nên kế đó cần phải dứt bật, vì thế minh và vô minh bằng nhau.

Chẳng phải một tướng chẳng phải khác tướng: Ngài Tăng Triệu nói: “Không phải hình tượng không phải không hình tượng, cho nên chẳng thể là một, là hình tượng mà chẳng phải là hình tượng, cho nên chẳng thể là khác.” Tiếp theo ý trên mà phát sinh, nghĩa là nghe nói minh và vô minh bằng nhau thì liền cho là một, nếu đó chẳng phải là

một, thì lại rơi vào tướng khác, cho nên nay phải nói chẳng phải một chẳng phải khác.

Chẳng phải tướng tự chẳng phải tướng tha: Ứng thân do chúng sinh cảm mà có, cho nên chẳng phải tự, pháp thân thì thể vắng lặng cho nên chẳng phải tha. Ngài Tăng Triệu nói: “Chẳng phải tự mà đồng như tự, cho nên tự mà chẳng phải tự chẳng phải tha mà đồng với tha, cho nên tha mà chẳng phải tha. Thân vô tướng thì há có thể dùng tự và tha mà quán thể của nó được ư?”

Chẳng phải vô tướng, chẳng phải chấp tướng: Tùy chỗ tạo tác của người cho nên chẳng phải vô tướng, nhưng đức thể thường vắng lặng không có sự phân biệt cho nên chẳng phải chấp tướng. Đây là căn cứ theo hợp hai thân để giải thích. Ngài Tăng Triệu ghi: “Chẳng phải không có tướng của vật, chẳng phải là tướng có thể chấp thủ, chỉ căn cứ theo pháp thân để giải thích.”

Chẳng phải bờ này, chẳng phải bờ kia, chẳng ở giữa dòng: Sinh tử vốn không cho nên chẳng phải bờ này, Niết-bàn nay chẳng có cho nên chẳng phải bờ kia, đã không có bờ này bờ kia, thì đâu có bát chánh giữa dòng. Vì thường tại sinh tử cho nên chẳng phải bờ kia, vì chẳng bỏ Niết-bàn cho nên chẳng phải bờ này. Hai bên đều song song thực hành, cho nên chẳng ở giữa dòng.

Mà hóa độ chúng sinh: Trước đã nói không có ba thì tựa như dứt bật sự giáo hóa, nay nói tuy chẳng có ba mà thường giáo hóa, khiến cho người ngộ được chẳng có ba.

Quán tịch diệt mà vĩnh viễn chẳng diệt: Đã nói giáo hóa chúng sinh tựa như thấy có chúng sinh thì chẳng tịch diệt, cho nên nay nói tuy giáo hóa mà thường tịch, vì thế nói quán tịch diệt. Tuy tịch diệt mà thường giáo hóa, cho nên chẳng phải vĩnh viễn tịch diệt.

Chẳng đây chẳng kia: Đã hóa độ chúng sinh thì ở nơi đây kia, còn pháp thân vô tướng cho nên chẳng đây chẳng kia. Vả lại các cõi nước đều Như, không có nơi đây để trụ, cho nên gọi là chẳng đây; không có kia để trụ cho nên nói chẳng kia.

Chẳng lấy nơi đây chẳng lấy nơi kia: Chẳng phải đây mà đồng với nơi đây, cho nên đây mà chẳng phải đây, chẳng phải kia mà đồng với nơi kia, cho nên kia mà chẳng phải kia, như thế há lại cho đây đồng với đây, cho kia đồng với kia sao? Bởi vì nói đến tâm bậc thánh thì không có tâm để đồng với tâm.

Chẳng thể dùng trí mà hiểu, chẳng thể dùng thức mà biết: Mười trí của bậc Thánh chẳng thể hiểu đến, sáu thức của phàm phu chẳng

thể biết được. Phàm trí thức sinh thì sinh tướng bên trong, pháp thân vô tướng cho nên trí và thức chẳng thể bàn đến được.

Không tối không sáng: Pháp thân vô tri cho nên chẳng sáng, nhưng không gì không tri (biết) cho nên chẳng tối.

Không danh vô tướng: Chẳng thể dùng danh để gọi tên, chẳng thể dùng tướng để thấy hình, cho nên vòng tròn chẳng thể tả, tên hiệu chẳng thể truyền được.

Không mạnh không yếu: Vì chí nhu không trái nghịch, cho nên chẳng cứng; nhưng có thể phá dẹp được tất cả, cho nên chẳng yếu. Vả lại vận động khắp trời đất mà chẳng cứng, ứng hợp với vô thường mà chẳng yếu.

Chẳng sạch chẳng nhơ: Không cấu uế nào chẳng trừ cho nên chẳng nhơ, không quả nào chẳng vào cho nên chẳng sạch. Vả lại tướng quý và vẻ đẹp trang nghiêm thân chẳng phải sạch, vàng ngọc lúa ngựa cũng chẳng phải dơ uế.

Chẳng ở phương sở chẳng lìa phương sở: Kỳ diệu chẳng phải ba cõi, cho nên chẳng tại phương sở, không cảm nào chẳng ứng hiện đến, cho nên không lìa phương sở.

Chẳng phải hữu vi chẳng phải vô vi: Tướng chẳng thể đổi dời, cho nên chẳng phải hữu vi, có diệu dụng vô cùng, cho nên chẳng phải vô vi.

Không chỉ bày, không tuyên thuyết: Sáu tình chẳng thể đến được, há có thể tuyên thuyết để chỉ dạy cho người? Dùng ngôn từ nói làm cho người biết gọi là chỉ bày, dùng ngôn từ nêu lên pháp gọi là thuyết. Vả lại ứng theo cái thấy là chỉ bày, ứng theo sự nghe là thuyết. Nhưng Phật thì chẳng thể thấy nghe cho nên:

Không thuyết, không chỉ, không bố thí, không bỏn sẻn, không trì giới, không phạm giới, không nhẫn nhục, không sân hận, không tinh tấn, không giải đãi, không định, không loạn, không trí, không ngu: Dùng sáu độ làm thể, cho nên có thể tùy ứng theo âm vang, nhưng nói ứng độ thì chẳng độ, nên không độ mà không gì chẳng độ, sau đó mới được độ.

Chẳng thành thật, chẳng khi dối: Vì chẳng thể cho thiện là thiện, nên chẳng thành thật, chẳng thể cho ác là ác, nên chẳng phải khi dối. Vả lại dối chỉ ba xe cho nên chẳng thật, rốt cuộc được nhất cho nên chẳng dối.

Chẳng đến chẳng đi, chẳng xuất chẳng nhập: Cõi trên đạo như thật là đến, khéo nhập diệt là đi, đến nhà lửa là nhập, đứng ngoài cửa là xuất, pháp thân thật không có các việc này.

Bật đường ngôn ngữ: Đây là tổng kết các câu trên, luận về việc chẳng thể dùng ngôn từ nói diễn bày.

Chẳng phải phước điền, chẳng phải không phước điền, chẳng phải xứng đáng cúng dường, chẳng phải không xứng đáng cúng dường: Vì khinh mạn nó thì có tội, cho nên chẳng phải phước điền, kính trọng nó thì được phước cho nên chẳng phải không là phước điền. Chẳng phải không là phước điền tức xứng đáng được cúng dường, chẳng phải là phước điền tức không xứng được cúng dường. Có người cho rằng pháp thân không chỗ thọ nhận, cho nên chẳng phải là phước điền, vì ứng theo chúng sinh mà thọ nhận của cúng dường, cho nên không phải không là phước điền. Vả lại chẳng đồng với người thiện, cho nên chẳng phải là phước điền, chẳng đồng với người ác, cho nên không phải không là phước điền.

Chẳng lấy chẳng bỏ: Chẳng phải phước điền cho nên chẳng lấy, chẳng phải không là phước điền cho nên chẳng bỏ.

Chẳng phải hữu tướng chẳng phải vô tướng: Vắng lặng không hình cho nên chẳng phải hữu tướng, đủ ba mươi hai tướng cho nên chẳng phải vô tướng.

Đồng chân tế, bình đẳng với pháp tánh: Pháp thân vô tướng tức là chân tế, hoặc cho rằng Phật là khác, cho nên nói là đồng.

Chẳng thể cân, chẳng thể lường vì vượt qua các sự cân lường: Thế thì chẳng nặng nhẹ, cho nên chẳng thể cân, hình thì chẳng thể dò, cho nên chẳng thể lường.

Chẳng lớn chẳng nhỏ: Lớn bằng trời đất, cho nên chẳng phải là nhỏ, nhỏ không thể chứa gì trong đó, cho nên chẳng thể là lớn, thật có thể là lớn nhỏ mà không phải là lớn nhỏ.

Chẳng thấy, chẳng nghe, chẳng hay, chẳng biết: Chẳng phải sắc cho nên chẳng thấy, chẳng phải âm thanh cho nên chẳng thể nghe, chẳng phải là mùi hương, vị, xúc cho nên chẳng phải là chỗ ba căn có thể hay được, chẳng phải là pháp cho nên ý chẳng biết.

Xa lìa các kiết hoặc trói buộc: Đã chẳng thấy nghe hay biết, thì nơi nào mà sinh kết hoặc trói buộc.

Bình đẳng với các trí, đồng với chúng sinh không phân biệt các pháp: Trí thì đồng với trí của các trí, nhân thì đồng với nhân của các nhân. Vì quán như thế cho nên được vô phân biệt. Vả lại đồng với trí của mọi người cho nên nói bình đẳng với các trí. Cũng không có Phật đại thánh khác với chúng sinh kia cho nên nói là đồng với chúng sinh. Người pháp đồng quán thì dứt tướng bật niệm, cho nên đối với các pháp

không khởi phân biệt.

Tất cả không mất, không ô trước, không não loạn: Ba nghiệp lìa các lỗi cho nên tất cả đều không mất, không mất cho nên không ô trước, không ô trước cho nên không não loạn.

Không tạo tác, không khởi, không sinh, không diệt: Pháp thân vô vi, dứt bật các sự tạo tác thì ai tạo tác để khiến cho khởi, cái gì sinh để làm cho có diệt.

Không sợ, không lo, không mừng, không chán, không dính mắc: Nếu có sinh diệt đó là pháp đáng sợ, thì liền thích sinh mà lo sợ diệt. Vui, mừng và lo sợ đã sinh thì có chán ghét, chấp trước. Nhưng pháp thân thì đều không có các việc này.

Không có cái đã có, không có cái đang có, không có cái sẽ có, không thể dùng tất cả lời lẽ phân biệt mà hiển thị được. Bạch Thế Tôn! Thân Như Lai như thế, con quán như thế. Quán theo đây gọi là chánh quán, quán theo pháp quán khác là tà quán: Đây là tổng kết về thân Phật, khuyến tấn nên quán xét.

Lúc ấy ngài Xá-lợi-phất hỏi ông Duy-ma-cật rằng: “Ngài chết ở cõi nào mà sinh về cõi này?": Đây là phần thứ hai nói về tích bất tư nghị, theo văn thì gồm có hai:

1. Luận về việc ngài Tịnh Danh nói nghĩa sinh và vô sinh.

2. Hiện cõi Phật Vô động.

- Ngài Thân Tử nêu lên câu hỏi là do ba nguyên nhân:

1. Thấy thân đức của ông Duy-ma-cật rất kỳ diệu, nơi ông trụ trước kia ắt cũng kỳ diệu, cho nên hỏi từ đâu đến.

2. Trên đã nói như tự quán thật tướng của thân, thật tướng vô sinh mà nay hiện có sinh thì sẽ thành nghĩa tự quán cho nên dùng chết rồi sinh để hỏi.

3. Trên đã hiển thị pháp thân, kể đến ở đây khai lập tích dụng, cho nên mới hỏi.

Ông Duy-ma-cật nói rằng: “Pháp mà ngài chứng đắc được có chết rồi sinh chăng?” Ngài Xá-lợi-phất đáp: “Không có chết rồi sinh.” Ông Duy-ma-cật nói: “Nếu các pháp không có tướng chết rồi sinh, vậy vì sao ngài hỏi ông chết ở đâu mà sinh đến đây. Ý ngài thế nào? Thí như các nhà huyền thuật tạo ra các người nam nữ, vậy các nam nữ này có chết rồi sinh không?” Ngài Xá-lợi-phất đáp: “Không có chết rồi sinh.” Ông Duy-ma-cật hỏi: “Ngài há chẳng nghe Đức Phật nói các pháp như huyền tướng sao?” Đáp: “Đúng, có nghe”. “Nếu các pháp như huyền tướng, vậy vì sao ngài lại hỏi ông chết ở đâu mà sinh đến đây. Thưa

ngài Xá-lợi-phất! Chết là pháp hư dối, là tướng hủy hoại, sinh là pháp hư dối, là tướng tương tục. Bồ-tát tuy chết nhưng không đoạn dứt gốc thiện, tuy sinh mà chẳng tăng trưởng các pháp ác: Thiện ác đều là pháp hư dối có tương tục và hủy hoại. Phạm phu sinh thì tăng trưởng pháp ác, chết thì đoạn dứt pháp thiện, còn Bồ-tát khi sinh thì tăng trưởng pháp thiện, chết thì diệt tận pháp ác. Cả hai sinh tử tuy giống nhau mà tăng trưởng và diệt tận chẳng phải một. Nhưng đều là tướng hư dối hủy hoại thì đâu khác gì với huyễn hóa.” Bấy giờ, Đức Phật bảo ngài Xá-lợi-phất rằng: “Có một cõi nước tên là Diệu Hỷ, Đức Phật ở cõi này hiệu là Vô Động, ông Duy-ma-cật đã chết ở nước đó mà sinh qua đây.” Xá-lợi-phất nói rằng: “Thật chưa từng có. Bạch Thế Tôn! người này có thể bỏ cõi nước thanh tịnh mà thích đến cõi nước có nhiều oán hại như thế. Ông Duy-ma-cật nói với ngài Xá-lợi-phất: “Thưa ngài Xá-lợi-phất! Ngài nghĩ thế nào? Khi ánh sáng mặt trời chiếu rọi thì có hợp với tối chẳng?” Đáp: “Không, khi ánh sáng mặt trời chiếu rọi thì không còn bóng tối nữa.” Ông Duy-ma-cật nói: “Vì sao mặt trời lại đi ngang qua cõi Diêm-phù-đề?” Đáp: “Vì muốn dùng ánh sáng chiếu phá sự tối tăm cho Diêm-phù-đề.” Ông Duy-ma-cật lại nói: “Bồ-tát cũng như thế! Tuy sinh ở cõi Phật bất tịnh cốt để giáo hóa chúng sinh nhưng chẳng hợp chung với kẻ ngu si tối tăm. Đó chỉ là trừ diệt phiền não tăm tối cho chúng sinh mà thôi”: Trước luận về vô sinh, đây là luận về chỗ xuất sinh, tức ứng theo chúng sinh mà nói xưa nay chẳng có ích lợi. Vô sinh tức là pháp thân, sinh là ứng tích. Và lại chư Phật thuyết pháp, thường căn cứ vào nhị đế, vô sinh là căn cứ theo chân, sinh thì căn cứ theo tục.

Lúc bấy giờ, đại chúng khát ngưỡng muốn thấy thế giới Diệu hỷ, Đức Vô Động Như Lai và các chúng Bồ-tát Thanh văn ở cõi ấy. Đức Phật biết suy nghĩ của chúng hội nên nói với ông Duy-ma-cật rằng: “Này thiện nam! Ông hãy hiện cõi nước Diệu hỷ, Vô Động Như Lai, và chúng Bồ-tát Thanh văn ở cõi kia để cho đại chúng ở đây được thấy, mọi người đang ngưỡng mộ.”: Đây là đoạn hai nói về nguyên do hiện cõi Vô Động. Hiện thì có ba nhân duyên:

1. Muốn khiến cho chúng hội ở đây tu hạnh tịnh độ, được vãng sinh.

2. Muốn hiển thị thân đức bất tư nghị của ngài Tịnh Danh.

3. Sắp trở lại thân tướng ở cõi Diệu hỷ, là nơi sinh.

Xả bỏ cõi tịnh này mà đến uest độ kia là để nói lên duyên Từ bi của bậc Đại sĩ. Theo văn gồm bốn câu:

1. Đại chúng muốn thấy.

2. Ngài Tịnh Danh hiện ra cõi nước.
3. Chúng được lợi ích.
4. Trở về bốn xứ.

Đây là câu thứ nhất.

Bấy giờ, ông Duy-ma-cật nghĩ rằng: “Ta chẳng nên rời khỏi tòa ngồi mà tiếp lấy cõi nước Diệu hỷ, núi, sông, khe, hang, ao hồ, biển lớn, nguồn suối, các núi Thiết vi, núi Tu-di và mặt trời, mặt trăng, các vì sao, cung điện của trời, quỷ thần, Phạm thiên, cùng các chúng Bồ-tát Thanh văn, các thành ấp, tụ lạc, trai gái, lớn nhỏ, cho đến Vô Động Như Lai và cây Bồ-đề, hoa sen báu có thể làm Phật sự trong mười phương, ba đường thêm báu từ Diêm-phù-đề lên đến trời Đao-lợi, từ thêm báu này mà chư Thiên xuống lễ kính Vô Động Như Lai và nghe thuyết kinh pháp. Người ở cõi Diêm-phù-đề cũng theo ba đường thêm báu này mà lên cõi trời Đao-lợi để diện kiến chư Thiên. Cõi nước Diệu hỷ thành tựu công đức vô lượng như thế, trên thì đến trời A-ca-ni-tra dưới đến thủy tề. Ta sẽ dùng tay phải vớt lấy, như bánh xe của người thợ gốm: Đây là câu thứ hai nói về hiện cõi nước. Theo văn gồm có hai, đầu tiên nghĩ muốn hiện quốc độ, kể đến chính thức thị hiện quốc độ. Ngài La-thập nói rằng: Bản Phạm thì nói “như chém bùn” còn ở đây thì nói “như bánh xe của người thợ gốm”, nghĩa là nói đoạn ngay ở giữa mà lấy, như bánh xe của thợ gốm, phía dưới thì không chạm đất, bốn phía dứt hẳn.”

Đem về thế giới Ta-bà này giống như cầm tràng hoa trao cho đại chúng xem: Đây là hiển bày việc Bồ-tát thực hành điều ấy không khó, đây là dụ.

Suy nghĩ như thế xong, ông Duy-ma-cật liền nhập Tam-muội, hiện sức thần thông, dùng tay phải vớt lấy cõi Diệu hỷ: Đây là ý hai, chính thức hiện quốc độ, gồm bốn câu:

1. Chính thức hiện.
2. Đức Thích-ca khuyên quán tưởng.
3. Đại chúng đều thấy.
4. Khuyên tu nhân tịnh độ.

Ngài La-thập nói: “Đoạn lấy là nói về đến bất tận.”

Đặt vào cõi này. Các vị Bồ-tát, Thanh văn cùng các trời người có thần thông đều cất tiếng bạch rằng: “Bạch Thế Tôn! Ai đem chúng con đi thế này. Xin Thế Tôn cứu giúp cho.” Đức Vô Động Như Lai nói: “Chẳng phải ta làm, mà đó là do thần lực của ông Duy-ma-cật tạo ra như thế.”: Còn những người không có thần thông thì chẳng hay chẳng biết mình đã đến đâu. Cõi Diệu hỷ nhập vào cõi Ta-bà mà không thêm

không bớt, cội Ta-bà này cũng chẳng chặt hẹp vẫn như trước không có gì khác.

Lúc bấy giờ, Đức Phật Thích-ca Mâu-ni bảo đại chúng rằng: “Các ông hãy xem cội Diệu hỷ, Đức Vô Động Như Lai kia, cội nước ấy trang nghiêm tốt đẹp, chúng Bồ-tát hành hạnh thanh tịnh. Các đệ tử đều hoàn toàn trong sạch.”: Đây là câu hai, khuyên chúng quán xét.

Đại chúng thưa rằng: “Dạ thầy”: Đây là nói đại chúng đã nhìn thấy.

Đức Phật nói rằng: “Nếu Bồ-tát muốn được cội Phật thanh tịnh như thế, thì nên học theo đạo mà Đức Vô Động Như Lai đã làm.”: Đã hiện diệu quả, lại còn khuyên tu tịnh nhân.

Khi hiện cội Diệu hỷ này thì có mười bốn na-do-tha người ở cội Ta-bà phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đều nguyện sinh về cội Phật Diệu hỷ, Đức Phật Thích-ca Mâu-ni liền thọ ký rằng: “Sẽ được sinh sang nước đó.”: Đây là ý thứ ba, chúng đương thời được lợi ích. Ngài Tăng Triệu nói rằng: “Một vạn là một na-do-tha”.

Lúc bấy giờ cội nước Diệu hỷ ở cội Ta-bà này làm lợi ích đã xong, liền trở về nơi cũ, tất cả mọi người đều thấy: Đây là ý thứ tư trở về nơi cũ.

Đức Phật hỏi ngài Xá-lợi-phất rằng: “Ông thấy cội Diệu hỷ và Đức Phật Vô động chẳng?”: Đây là câu thứ ba tán thán người và pháp. Vì rất khó gặp được bậc Thánh, rất khó được nghe kinh pháp, cho nên mới hỏi thấy chẳng.

Xá-lợi-phất thưa: “Dạ, con đã thấy. Bạch Thế Tôn! Nguyện cho tất cả chúng sinh đều được cội thanh tịnh như cội của Đức Phật Vô Động, được thần lực như ông Duy-ma-cật. Bạch Thế Tôn! chúng con sung sướng được những điều lợi lớn, được thấy vị này mà gần gũi cúng dường: Vì Thân Tử nhân thấy được những việc này mà phát nguyện, tán thán.

Còn những chúng sinh hoặc hiện tại, hoặc sau khi Phật diệt độ nghe được kinh này cũng được lợi lành, hưởng gì nghe rồi tin hiểu thọ trì, đọc tụng, giải nói, như thuyết tu hành. Nếu có người tay cầm quyển kinh này thì cũng như đã được kho tàng Pháp bảo: Đây là đoạn khen ngợi pháp. Tay cầm quyển kinh, tuy chưa tụng trì, nhưng cũng như người đã được kho báu, chỉ là chưa xử dụng mà thôi.

Nếu có người đọc tụng giải nói nghĩa lý kinh này rồi đúng như lời nói mà tu hành thì sẽ được chư Phật hộ niệm: Tu hành là thuộc bên trong, hộ niệm là thuộc bên ngoài. Lý đã hội thì thần cảm ứng, tự nhiên

sẽ an lạc.

Nếu có người cúng dường như thế, thì nên biết đó là cúng dường chư Phật. Nếu có người nào biên chép thọ trì kinh này, thì nên biết ngôi nhà của người này có Như Lai. Nếu có người nghe kinh này rồi tùy hỷ, thì người này sẽ đạt được Nhất thiết trí. Nếu có người tin hiểu kinh này, dù chỉ một bài kệ bốn câu, rồi giải nói cho người khác nghe, thì nên biết người này đã được thọ ký quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác: Kinh này chính là nói về hạnh Bồ-tát cho nên nghe kinh rồi tùy theo nghĩa mà vui thích, ắt sẽ được chứng trí. Tin hiểu một bài kệ bốn câu của kinh này rồi giải nói cho người khác nghe, thì biết dù là bậc Bồ-tát đạo cao, hay Thanh văn hạ liệt đều vĩnh viễn chẳng thoái tâm Đại thừa, ắt sẽ được thành Phật cho nên Đức Phật thọ ký.
